| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH SƠN**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **152**/2018/QĐST-HNGĐ | *Bình Sơn, ngày 08 tháng 10 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 244/2018/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa:

**+ Nguyên đơn: Anh Thái Văn Đ, sinh năm 1992;**

Nơi cư trú: Xóm AT1, thôn LT, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

**+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nỡ, sinh năm 1992;**

Nơi cư trú: Xóm HT, thôn PH, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: thôn An Lộc, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thái Văn Đ và chị Nguyễn Thị Nỡ thuận tình ly hôn.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** ***Về con chung:*** Anh Thái Văn Đ và chị Nguyễn Thị Nỡ thống nhất vợ chồng có 01 con chung là: Thái Văn Đ1, sinh ngày 15/6/2017 (đang ở với chị N).

**2.2.** ***Về giao nuôi con:*** Giao cho Nguyễn Thị Nỡ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Văn Đ1.

**2.3.** ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** Anh Thái Văn Đ có nghĩa cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị N, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng **1.000.000 đồng** (*Một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24 tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

*Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.*

**2.4.** ***Về tài sản chung:*** Anh Thái Văn Đ xin rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung theo đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ghi ngày 28/9/2018.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Văn Đ về phân chia tài sản chung theo Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/9/2018, gồm: Tiền mặt: 82.000.000 đ (*Tám mươi hai triệu đồng*) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi và 01 xe mô tô, loại xe Honda, nhãn hiệu Air Blade, biển kiểm soát 76C1 – 390.92 do chị Nguyễn Thị N đứng tên trong giấy đăng ký xe. Anh Đ và chị Nỡ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung như trên, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**2.5.** ***Về nợ chung:*** Anh Thái Văn Đ và chị Nguyễn Thị Nỡ xác định, anh, chị không có nợ ai và không ai nợ anh, chị.

**2.6.** ***Án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:***

Anh Thái Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng; tổng cộng: 300.000 đồng nhưng anh được khấu trừ một phần số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp, còn hoàn trả lại cho anh Thái Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 1.400.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002452 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

*Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND; Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã BT, huyện BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**THẨM PHÁN**

**Lê Quang Toại**